

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bảo C, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

Số căn cước công dân 096189002018 cấp ngày 26/02/2022

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Phạm Thị Bảo C tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bảo C và ông Nguyễn Hoàng S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại UBND xã TB, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Phạm Thị Bảo C yêu cầu ly hôn với chồng là ông Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Bà Phạm Thị Bảo C và Nguyễn Hoàng S có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/6/2012 (giới tính nữ), hiện do bà C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bảo C xác định bà và ông Nguyễn Hoàng S tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà Phạm Thị Bảo C xác định bà và ông Nguyễn Hoàng S không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Phạm Thị Bảo C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng S. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Nguyễn Hoàng S có nơi cư trú tại Ấp A, xã TB, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Hoàng S đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Phạm Thị Bảo C xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà C và ông S theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Phạm Thị Bảo C và ông Nguyễn Hoàng S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại UBND xã TB, tỉnh Cà Mau, do chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Phạm Thị Bảo C yêu cầu ly hôn với chồng là ông Nguyễn Hoàng S. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà C xác định không còn tình cảm với ông S, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông S vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà C, cho thấy ông S không có thiện chí đoàn tụ với bà C. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Phạm Thị Bảo C và ông Nguyễn Hoàng S được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Phạm Thị Bảo C và Nguyễn Hoàng S có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/6/2012 (giới tính nữ), hiện do bà C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với bà C, ông S không có ý kiến gì về đối với yêu cầu của bà C là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu cho bà C tiếp

tục nuôi dạy con chung là phù hợp. Bà C yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà C là có căn cứ nhưng xét thấy mức yêu cầu bà C đặt ra là cao so với mức lương tối thiểu vùng là 3.700.000 đồng, theo quy định của pháp luật cần buộc ông S cấp dưỡng nuôi con theo mức $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng/tháng, tức 1.850.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Bảo C xác định bà và ông Nguyễn Hoàng S tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, bà C xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung là phù hợp.

[3] Các vấn đề khác: Trường hợp ông Nguyễn Hoàng S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Bà Phạm Thị Bảo C phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm; ông Nguyễn Hoàng S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bảo C về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng S.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bảo C và ông Nguyễn Hoàng S được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/6/2012 (giới tính nữ) cho bà Phạm Thị Bảo C tiếp tục nuôi dạy. Buộc ông Nguyễn Hoàng S phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.850.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Bảo C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Hoàng S chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho bà C, thì ông S phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Bảo C xác định bà và ông Nguyễn Hoàng S không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung là phù hợp.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bảo C nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hoàng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vào ngày 14 tháng 01 năm 2026, bà C có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000518 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh